

Số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18- 3- 2025

T/c về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyen Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyen Thị Lan P

+ Ông Le Van T

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngo Minh B - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh L tham gia phiên tòa:* Ông Duong Cam H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 390/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2024 tranh chấp về việc “Ly hôn”. Theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyen Thi Thuy H, sinh năm 1978 (có mặt)

Cư trú ấp Phuoc H B, xã Phuoc H, huyện Long Hồ, tỉnh Vinh L.

2. Bị đơn: Ông Trần Hiệp Đ, sinh năm 1971 (có mặt)

Cư trú số 89/70, đường 8/3, Phường 5, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2024 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện: Bà H và ông Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Vinh L vào ngày 22/02/2022. Về con chung, bà H và ông Đ có với nhau 01 con chung Tran Van C, sinh ngày 17/6/2022. Hiện tại ông Đ đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- **Bà H khai:** Do mâu thuẫn vợ chồng, không có tiếng nói chung, thường bất đồng ý kiến làm gia đình không hạnh phúc và ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Ngoài ra, phía Bảo hiểm xã hội có chi trả cho bà H một số tiền trong thời gian công tác làm việc tại Công ty nhưng ông Đ yêu cầu phải đưa toàn bộ số tiền này cho ông Đ giữ để nuôi con chung. Từ đó mâu thuẫn thêm trầm trọng hơn, nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung, bà H yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng. Hiện nay bà H có thu nhập lương công nhân, bình quân trung bình tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Về tài sản chung, bà H và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Ông Đ trình bày:** Trong cuộc sống hôn nhân có bất đồng quan điểm với nhau, nguyên nhân chính là bà H không giỏi nấu ăn nên ông Đ không hài lòng rồi giữa vợ chồng có lời qua tiếng lại. Bà H có tư tưởng muốn về nhà mẹ ruột sinh sống làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng và ly thân từ tháng 5 năm 20024 cho đến nay. Nay ông Đ đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông Đ không đồng ý giao con chung Tran Van C cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Đ yêu cầu được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông Đ làm thợ hồ, có thu nhập không ổn Đ, có thời gian có thu nhập bình quân trung bình từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Những lúc thảnh thơi không có thuê mướn làm công thì làm nghề tự do, có thu nhập 350.000 đồng/ngày.

Về tài sản chung, bà H và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có tài liệu, chứng cứ gì mới để xuất trình. Bà H khai, thời gian chung sống với nhau có nhiều mâu thuẫn, ông Đ luôn có lời lẽ lẽ lỗi phải từng chi tiết nhỏ trong gia đình sinh hoạt hàng ngày, bất đồng ý kiến về việc quản lý tài chính từ nguồn Bảo hiểm xã hội chi trả cho bà H, do mâu thuẫn này đã làm cho hôn nhân không thể hàn gắn tình cảm và sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay, bà H yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung, bà H có con chung với ông Đ là cháu Cường, ngoài ra bà H có 02 con riêng, con trai 20 tuổi có thu nhập lương 6.000.000 đồng/tháng, con gái 17 tuổi có thu nhập 5.000.000 đồng/tháng, bà H có thu nhập lương công nhân 6.000.000 đồng/tháng. Hiện tại cùng sinh sống chung với cha mẹ ruột tại ấp Phuoc H B, xã Phuoc H , huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh L. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con chung Tran Van C, hiện tại ông Đ đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ giữ nguyên yêu cầu phản bác và không có tài liệu, chứng cứ gì mới để xuất trình. Ông Đ khai, thời gian chung sống với nhau có nhiều mâu thuẫn, có bất đồng ý kiến về việc quản lý số tiền Bảo hiểm xã hội chi trả cho bà H, do mâu thuẫn làm cho hôn nhân không thể hàn gắn tình cảm nên đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung, ông Đ có con chung với bà H là Tran Van C, hiện ông Đ đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cùng sinh sống ở nhờ nhà người anh ruột

nhưng hiện tại anh ruột đã mất. Ông Đ làm thợ hồ, khi có việc làm thì có thu nhập 300.000 đồng/ngày hoặc làm những công việc khác theo yêu cầu của khách hàng, cũng có những ngày nghỉ ở nhà không có thu nhập. Ông Đ yêu cầu được nuôi con Tran Van C, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh L, phát biểu:** Từ khi thụ lý cho đến quyết Đ đưa vụ án ra xét xử, các trình tự thủ tục tố tụng khác trong quá trình thụ lý, xét xử sơ thẩm đều tuân theo pháp luật quy Đ.

Về nội dung, áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, được ly hôn với ông Đ; buộc ông Đ giao con chung Tran Van C cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ tài sản không có, không đặt ra xem xét giải quyết. Bà H chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn cư trú tại địa phận thành phố Vinh L. Xét đây là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy Đ tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2]. Về hôn nhân, bà H và ông Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Vinh L là đã tuân thủ điều kiện kết hôn, được quy Đ tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, kể từ ngày đăng ký kết hôn 22/02/2022.

Về mâu thuẫn vợ chồng, bà H và ông Đ đồng xác Đ từ mâu thuẫn vợ chồng nên đến nay không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cả hai bên đồng ý ly hôn với nhau, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, sự thỏa thuận ly hôn giữa bà H và ông Đ là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con nhỏ dưới 03 tuổi là Tran Van C. Đồng thời, bà H có đủ điều kiện kinh tế, nơi ở ổn Đ để nuôi con nên theo quy Đ tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì bà H được chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc ông Đ giao con chung Tran Van C, sinh ngày 17/6/2022 cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự tự nguyện này của bà H là phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà H và ông Đ phải tuân thủ Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình quy Đ: “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”; “Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ tài sản: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, bà H phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số N⁰ 0007429 ngày 13/11/2024 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vinh L; bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Ông Đ không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14; các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyen Thi Thuy H.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyen Thi Thuy H và ông Trần Hiệp Đ.

- Về con chung: Buộc ông Trần Hiệp Đ phải giao con chung Tran Van C, sinh ngày 17/6/2022 cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Đ được quyền tới thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ tài sản: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

II. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyen Thi Thuy H phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số N⁰ 0007429 ngày 13/11/2024 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vinh L; bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Ông Đ không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai, có mặt bà H, ông Đ. Báo cho đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh;
- Cơ quan T.H.A cùng cấp;
- UBND xã, phường;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
NGUYEN THU T